

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Kim
2. Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thuý Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M – Sinh năm 1982 (có mặt)

HKTT: Xóm 2, thôn Y, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình Th – Sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, thôn Y, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và các lời khai tại Toà án, cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn - chị Phạm Thị M trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Đình Th kết hôn ngày 24/11/2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết

hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có sự đồng ý của hai gia đình. Cưới xong thì chị M về nhà anh Th làm dâu luôn. Hai vợ chồng ở tại xã V được 01 năm, đến năm 2002 thì hai vợ chồng chuyển vào Miền Nam sinh sống và làm việc, cuối năm 2009 hai vợ chồng mới trở về xã V và ở từ đó đến nay. Quá trình chung sống chị M, anh Th ban đầu hạnh phúc, sau dần nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M, anh Th không hợp nhau trong cuộc sống hàng ngày. Anh Th lại là người nóng tính, hay nghe lời gia đình mà đánh đập chị M. Ngày 08/3/2017 sau khi cãi cọ nhau thì anh Th đã đuổi chị M về nhà mẹ, chị M, anh Th sống ly thân từ đó đến nay. Kể từ khi ly thân, tuy hai bên đã được gia đình bạn bè hoà giải nhưng không được. Nay chị M xác định tình cảm không còn, nên chị M yêu cầu Toà án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh Th.

Về con chung: Chị Phạm Thị M xác định chị và anh Nguyễn Đình Th có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Thị D sinh ngày 11/7/2003, cháu Nguyễn Thị Th sinh ngày 17/11/2005 và cháu Nguyễn Đình Tiến Đ sinh ngày 20/11/2012. Hiện nay cả ba cháu đều đang ở cùng anh Th. Ly hôn ban đầu chị M xin được nuôi hai cháu Dung và cháu Thuỳ, tuy nhiên sau đó theo nguyện vọng của các cháu, chị M xin được nuôi cháu Nguyễn Thị D, còn chị M đồng ý để anh Th nuôi hai cháu Nguyễn Thị Th và cháu Nguyễn Đình Tiến Đ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị M không yêu cầu Toà án giải quyết. Trước đây chị M làm công việc bán hoa quả, thu nhập bình quân hàng tháng vào khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Còn hiện tại chị đang làm công nhân tại công ty S thuộc Khu công nghiệp Y, Bắc Ninh, thu nhập bình quân vào khoảng 250.000 đồng/ 01 ngày, khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Với công việc như vậy, chị M xác định có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu D chu đáo.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất: Chị Phạm Thị M xác định vợ chồng không có gì liên quan nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn – anh Nguyễn Đình Th có lời khai trình bày trong hồ sơ như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Đình Th và chị Phạm Thị M kết hôn với nhau ngày 24/11/2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có sự đồng ý của hai gia đình. Cưới xong chị M về nhà anh Th làm dâu luôn, được 01 năm thì anh Th cùng chị M chuyển vào miền Nam sinh sống và làm việc. Đến năm 2009 anh Th, chị M lại trở về xã V ở từ đó đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, tuy nhiên sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M rất nhiều lần tự ý bỏ nhà đi, dù chỉ là những cãi vã nhỏ nhặt. Có lần chị M xin anh Th đi làm công ty, nhưng do việc nhà bận rộn nên anh Th không đồng ý, từ đó chị M thường xuyên kiếm cớ cãi cọ với anh Th. Ngày 08/3/2017 sau khi cãi cọ với anh Th, chị M đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Anh Th, chị M đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Kể từ khi ly thân hai bên đã được gia đình, bạn bè hoà giải nhiều lần, bản thân anh Th cũng đã chủ động nói chuyện với chị M nhưng vẫn không được. Nay anh Th xác định tình cảm không còn, anh Th đồng ý với việc chị M làm đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị M.

Về con chung: Anh Nguyễn Đình Th xác định anh và chị Phạm Thị M có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Thị D sinh ngày 11/7/2003, cháu Nguyễn Thị Th sinh ngày 17/11/2005 và cháu Nguyễn Đình Tiến Đ sinh ngày 20/11/2012. Hiện nay cả ba cháu đều đang ở cùng anh Th và phát triển hoàn toàn bình thường. Nay ly hôn, anh Th mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cả ba cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, anh Th không yêu cầu giải quyết. Hiện anh Th đang làm chủ xưởng cơ khí mở tại gia đình, thu nhập bình quân hàng tháng của anh Th từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Với mức thu nhập như vậy, anh Th xác định có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo cho cả ba cháu.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất: Anh Nguyễn Đình Th xác định vợ chồng không có gì liên quan, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương, chính quyền thôn Y cho biết: Chị M, anh Th kết hôn vào năm 2001. Quá trình chung sống tại địa phương anh Th, chị M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Nguyên nhân xuất phát từ hai phía. Tháng 3/2017 chị M đã trở về nhà mẹ đẻ, không còn ở địa phương. Từ khi ly thân chính quyền địa phương có hoà giải nhiều lần nhưng không được, nên thấy khả năng đoàn tụ của vợ chồng là rất khó. Về con chung, anh chị có ba con chung, hiện đang ở với anh Th và ông bà nội. Nay chị M làm đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh Th, về quan hệ vợ chồng, con chung cũng như tài sản, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – chị Phạm Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đối với anh Th, chị yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Th. Chị xin được nuôi cháu D và đồng ý để anh Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, cháu Đ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Ngoài ra, tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng canh tác chị xác định không có nên chị không yêu cầu gì.

Anh Nguyễn Đình Th tuy vắng mặt tại phiên toà nhưng anh đã có đơn xin dự phiên họp, hoà giải và xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố ý kiến của anh Th có trong hồ sơ. Chị M không có ý kiến gì về ý kiến đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Đình Th là vợ chồng.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị D sinh ngày 11/7/2003, anh Nguyễn Đình Th trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Th sinh ngày 17/11/2005 và cháu Nguyễn Đình Tiên Đ sinh ngày 20/11/2012. Cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc khởi kiện của chị Phạm Thị M khởi kiện anh Nguyễn Đình Th về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên toà ngày hôm nay, anh Nguyễn Đình Th vắng mặt nhưng anh Th đã có lời trình bày trong hồ sơ và anh Th cũng đã có đơn xin dự phiên họp, hoà giải và xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Th là có căn cứ.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Đình Th kết hôn ngày 24/11/2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống hàng ngày chị M không chăm lo gia đình còn anh Th lại là người nóng tính dẫn đến thường xuyên cãi cọ nhau. Ngày 08/3/2017 chị M đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Kể từ khi chị M về nhà bố mẹ đẻ bản thân anh Th cùng gia đình, bạn bè đã hoà giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị M xác định tình cảm không còn, đề nghị xin được chấm dứt quan hệ hôn nhân. Anh Th vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có ý kiến đồng ý với quan điểm của chị M, đề nghị chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Qua xác minh tại địa phương cũng thấy thực sự mâu thuẫn giữa anh Th, chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù Toà án đã động viên chị M dàn xếp về đoàn tụ và đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không có kết quả. Do đó, Toà án cần không công nhận chị M và anh Th là vợ chồng là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Đình Th xác nhận anh chị có ba con chung là cháu Nguyễn Thị D sinh ngày 11/7/2003, cháu Nguyễn Thị Th sinh ngày 17/11/2005 và cháu Nguyễn Đình Tiên Đ sinh ngày 20/11/2012. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng anh Th và ông bà nội. Trường hợp chấm dứt quan hệ hôn nhân chị M có nguyện vọng được nuôi cháu Dung, còn anh Th có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ trước đến nay cả ba cháu đều ở cùng bố mẹ và ông bà nội, cuộc sống của ba cháu đều phát triển hoàn toàn bình thường. Từ

khi chị M về nhà mẹ đẻ ở thì tuy cả ba cháu vẫn ở cùng bố và ông bà nội nhưng chị M vẫn thường xuyên quan tâm đến các cháu. Nay chị M và anh Th đều có công việc ổn định với mức thu nhập khá. Cháu D thì có nguyện vọng ở với mẹ còn cháu Th và cháu Đ thì đều có nguyện vọng được xin ở với bố. Xét thấy nguyện vọng của chị M là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, cháu D là con gái đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Còn hai cháu Th và cháu Đ từ trước đến nay đều do anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng nhau và ở cùng bố. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Thị D sinh ngày 11/7/2003 cho chị M nuôi dưỡng và giao hai cháu Nguyễn Thị Th sinh ngày 17/11/2005 và cháu Nguyễn Đình Tiến Đ sinh ngày 20/11/2012 cho anh Th nuôi dưỡng là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp và đảm bảo quyền lợi của trẻ em. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cả chị M và anh Th đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết đưa ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất: Chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Đình Th đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án, chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Đình Th là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị D sinh ngày 11/7/2003 cho chị M được nuôi dưỡng. Giao hai cháu Nguyễn Thị Th sinh ngày 17/11/2005 và cháu Nguyễn Đình Tiến Đ sinh ngày 20/11/2012 cho anh Th được nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị M, anh Th đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Th, chị M có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/04576 ngày 13/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hoàng Văn Huyền